TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2022
V/v trA1 chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DA1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Thành;
2. Ông Dương Tấn Hải;
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc "TrA1 chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Số 56, Tổ 4, Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc A1, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 56, Tổ 4, Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà P và ông Quốc A1 tiến tới hôn nhân vào năm 1997. Trước khi tiến tới hôn nhân, bà P và ông Quốc A1 tìm hiểu nhau một thời gian ngắn. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân thị trấn C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01, ngày 02/7/2008. Theo bà P trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn về tài chính, tuy nhiên, bà P vẫn chung sống với ông Quốc A1. Vào đợt dịch Covid -19 năm 2021, bà P phát hiện ông Quốc A1 thường xuyên liên lạc với người phụ nữ khác qua điện thoại. Cách đây khoảng 05 tháng, bà P thấy những hình ảnh, tin nhắn thân mật của ông Quốc A1 với người phụ nữ khác trong điện thoại. Sau khi biết được sự việc, bà P có nói chuyện trao đổi với ông Quốc A1, cũng có dọa sẽ nộp đơn ly hôn với ông Quốc A1 để cho ông Quốc A1 sợ mà chia tay người phụ nữ đó. Nhưng bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không cải thiện được, ông Quốc A1 vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục qua lại với người phụ nữ đó nên bà P nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Quốc A1. Việc ông Quốc A1 không chung thủy với bà P đã làm ảnh hưởng đến tâm lý của bà

P, bà P không còn tin tưởng ông Quốc A1 nữa. Hiện nay, bà P đã về nhà mẹ ruột của bà ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang sinh sống cùng cha mẹ ruột. Bà P nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông Quốc A1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Quốc A1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 28/5/1998, Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 12/9/2003 và Nguyễn Như N, sinh ngày 10/8/2010. Hiện nay, cháu N đang sống chung với bà P. Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng người con chưa thành niên là cháu N. Hiện nay, bà P đi phụ bán quán ăn, bán vé số mỗi ngày thu nhập của bà P là khoảng 250.000 đồng, thu nhập trung bình của bà P là 8.000.000 đồng/tháng, bà P không yêu cầu ông Quốc A1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc A1 trình bày:

Ông Quốc A1 thống nhất với lời trình bày của bà P về thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Quốc A1 xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do phía ông Quốc A1. Ông Quốc A1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khoảng gần 02 năm. Khi bà P biết được sự việc, bà P gây gỗ với ông Quốc A1. Khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án thì ông Quốc A1 mới biết bà P nộp đơn ly hôn tại Tòa án và ông đã chia tay với người phụ nữ đó được hơn 20 ngày. Ông Quốc A1 không đồng ý ly hôn với bà P, ông yêu cầu được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn, ông cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Hiện nay, ông Quốc A1 đi làm công việc chạy xe ôm, thu nhập trung bình của ông là 9.000.000 đồng/tháng. Ông Quốc A1 không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Quốc A1 không có ý kiến.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc A1 có nơi cư trú tại Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị P và ông Nguyễn Quốc A1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01, ngày 02/7/2008 nên xác định hôn nhân giữa bà P và ông Quốc A1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà P, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Quốc A1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà P biết là do bà P thấy hình ảnh, tin nhắn thân mật của ông Quốc A1 với người phụ nữ khác trong điện thoại. Sự việc này cũng được ông Quốc A1 xác nhận. Mặc dù, ông Quốc A1 trình bày là không đồng ý ly hôn và đã chia tay với người phụ nữ ông nảy sinh tình cảm nam nữ. Nhưng bà P cho rằng việc ông Quốc A1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác đã làm tổn thương bà P, không tôn trọng đời sống hôn nhân nên bà P không đồng ý tiếp tục chung sống với ông Quốc A1. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông Quốc A1 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Quốc A1.

[3] Về nuôi con chung Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 28/5/1998, Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 12/9/2003 và Nguyễn Như N, sinh ngày 10/8/2010. Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng người con chưa thành niên là cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N có nguyện vọng mong muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, do đó giao cháu N cho bà P nuôi dưỡng cháu N là phù hợp. Bà P không yêu cầu ông Quốc A1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà P và ông Quốc A1 đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà P trình bày không có, ông Quốc A1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc A1.

Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Quốc A1.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị P nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Như N, sinh ngày 10/8/2010. Ông Nguyễn Quốc A1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0006057 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ An Xuân